

CHƯƠNG 12

NHẬP CẢNH TẠM THỜI CHO KHÁCH KINH DOANH

(Bản dịch không chính thức của Vụ Chính sách thương mại đa biên, Bộ Công Thương)

CHƯƠNG 12

NHẬP CẢNH TẠM THỜI CHO KHÁCH KINH DOANH

Điều 12.1: Định nghĩa

Theo mục tiêu của Chương này:

khách kinh doanh là

- (a) thể nhân có quốc tịch của một Bên theo Phụ lục 1-A (Định nghĩa riêng của các Bên), hoặc
- (b) người thường trú của một Bên mà, trước ngày Hiệp định này có hiệu lực, đã thông báo theo Điều XXVIII(k)(ii)(2) của Hiệp định GATS là Bên đó đối đãi ngộ với người thường trú của mình ở mức tương đương về cơ bản so với mức đối đãi ngộ Bên đó dành cho công dân của mình¹,

có tham gia vào hoạt động thương mại hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thực hiện hoạt động đầu tư;

thủ tục xuất nhập cảnh là thị thực, giấy phép, giấy thông hành hoặc các tài liệu khác ở dạng văn bản hay điện tử xác nhận quyền được nhập cảnh tạm thời;

biện pháp nhập cảnh là bất kỳ biện pháp nào có ảnh hưởng đến việc nhập cảnh và lưu trú của người nước ngoài; và

nhập cảnh tạm thời là việc nhập cảnh vào lãnh thổ một Bên của một khách kinh doanh của một Bên khác và người đó không có ý định thường trú.

Điều 12.2: Phạm vi điều chỉnh

1. Chương này áp dụng đối với các biện pháp ảnh hưởng đến việc nhập cảnh tạm thời của khách kinh doanh của một Bên vào lãnh thổ của một Bên khác.

¹ Theo mục tiêu của đoạn (b), “công dân” có nghĩa như quy định tại Điều XXVIII(k)(ii)(2) của GATS.

2. Chương này không áp dụng đối với các biện pháp ảnh hưởng đến thể nhân tìm cách tiếp cận thị trường lao động của một Bên khác hay các biện pháp liên quan đến tư cách công dân, quốc tịch, cư trú hoặc lao động trên cơ sở thường xuyên.

3. Không quy định nào trong Hiệp định này ngăn cản một Bên áp dụng các biện pháp nhằm quản lý việc nhập cảnh của thể nhân một Bên khác vào, hoặc việc nhập cảnh tạm thời của họ ở, lãnh thổ của mình, bao gồm cả các biện pháp cần thiết để bảo vệ tính toàn vẹn của, và nhằm đảm bảo việc di chuyển có trật tự của thể nhân qua, biên giới của mình, miễn là các biện pháp đó không được áp dụng theo cách làm vô hiệu hoặc suy giảm các lợi ích mà bất kỳ Bên nào được hưởng từ Chương này.

4. Việc một Bên yêu cầu khách kinh doanh của một Bên khác phải có giấy tờ nhập cảnh không bị coi là làm vô hiệu hay giảm các lợi ích mà bất kỳ Bên nào được hưởng từ Chương này.

Điều 12.3: Thủ tục nộp đơn

1. Mỗi Bên sẽ ra quyết định đối với đơn xin nhập cảnh trong thời gian sớm nhất có thể sau khi nhận được đầy đủ đơn xin nhập cảnh đó và thông báo cho người nộp đơn về quyết định, bao gồm, trong trường hợp chấp thuận, thời gian lưu trú và các điều kiện khác.

2. Khi có yêu cầu của người nộp đơn, một Bên, sau khi đã nhận được đầy đủ đơn xin nhập cảnh, sẽ nỗ lực nhanh chóng cung cấp thông tin liên quan đến tình trạng xử lý đơn đó.

3. Mỗi Bên sẽ đảm bảo các loại phí do cơ quan có thẩm quyền thu cho việc thụ lý đơn xin nhập cảnh là hợp lý, không làm suy giảm quá mức hoặc gây trì hoãn thương mại hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc việc thực hiện hoạt động đầu tư theo Hiệp định này.

Điều 12.4: Cấp phép nhập cảnh tạm thời

1. Mỗi Bên sẽ ghi trong Phụ lục 12-A cam kết của mình đối với việc nhập cảnh tạm thời của khách kinh doanh, trong đó nêu rõ những điều kiện và hạn chế đối với việc nhập cảnh và nhập cảnh tạm thời, bao gồm thời gian lưu trú, đối với từng nhóm khách kinh doanh được Bên đó đưa vào cam kết.

2. Một Bên sẽ cấp phép nhập cảnh tạm thời hoặc gia hạn nhập cảnh tạm thời cho khách kinh doanh của một Bên khác theo những gì đã cam kết như nêu ở đoạn 1, với điều kiện khách kinh doanh đó:

- (a) tuân thủ các quy trình nộp đơn do Bên cấp phép đặt ra đối với thủ tục nhập cảnh liên quan; và
- (b) đáp ứng mọi yêu cầu tiêu chuẩn liên quan cho việc nhập cảnh tạm thời hoặc gia hạn nhập cảnh tạm thời.

3. Thực tế của việc một Bên cấp phép nhập cảnh tạm thời cho một khách kinh doanh của một Bên khác theo Chương này không được hiểu là miễn cho người khách kinh doanh đó không phải đáp ứng bất kỳ yêu cầu về cấp giấy phép hoặc các yêu cầu khác, bao gồm cả những bộ quy tắc ứng xử bắt buộc, cho việc hành nghề hay tham gia các hoạt động kinh doanh khác.

4. Một Bên có thể từ chối cấp giấy phép nhập cảnh cho khách kinh doanh của một Bên khác nếu việc nhập cảnh tạm thời của người đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến:

- (a) việc giải quyết bất kỳ tranh chấp lao động nào đang được tiến hành ở nơi làm việc hoặc dự kiến sẽ là nơi làm việc; hoặc
- (b) việc làm của bất kỳ thể nhân nào liên quan trong vụ kiện đó.

5. Khi một Bên từ chối cấp giấy phép nhập cảnh theo đoạn 4, Bên đó sẽ thông báo như vậy cho người nộp đơn.

Điều 12.5: Việc đi lại của doanh nhân

Các Bên khẳng định cam kết của họ với nhau trong khuôn khổ APEC nhằm thúc đẩy việc di chuyển của khách kinh doanh, bao gồm thông qua việc khảo sát và phát triển tự nguyện các chương trình đi lại tin cậy, và hỗ trợ của họ đối với nỗ lực nhằm thúc đẩy chương trình Thẻ đi lại của Doanh nhân APEC.

Điều 12.6: Cung cấp thông tin

Ngoài Điều 26.2 (Công bố) và Điều 26.5 (Cung cấp thông tin), mỗi Bên sẽ:

- (a) công bố trực tuyến ngay nếu có thể hoặc bằng cách nào đó thông báo rộng rãi thông tin về:
 - (i) những yêu cầu hiện hành cho việc nhập cảnh tạm thời theo Chương này, bao gồm cả các tài liệu giải thích và biểu mẫu, tài liệu liên quan, nhằm giúp những người quan tâm của các Bên khác làm quen với các yêu cầu này; và
 - (ii) khung thời gian thông thường cho việc thụ lý đơn xin cấp phép nhập cảnh; và
- (b) thiết lập hoặc duy trì những cơ chế thích hợp nhằm hồi đáp những thắc mắc từ những người quan tâm liên quan đến các biện pháp về nhập cảnh tạm thời thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này.

Điều 12.7: Ủy ban Nhập cảnh tạm thời của khách kinh doanh

1. Các Bên thiết lập trong khuôn khổ Hiệp định một Ủy ban về Nhập cảnh tạm thời của khách kinh doanh (gọi tắt là Ủy ban), bao gồm đại diện chính phủ của mỗi Bên.
2. Ủy ban sẽ họp ba năm một lần, trừ khi các Bên đồng ý khác, nhằm:
 - (a) rà soát việc thực thi và vận hành Chương này;
 - (b) xem xét cơ hội cho các Bên nhằm thuận lợi hóa hơn nữa việc nhập cảnh tạm thời của khách kinh doanh, bao gồm thông qua việc phát triển các hoạt động đã cam kết theo Điều 12.8 (Hợp tác); và
 - (c) xem xét bất kỳ vấn đề nào khác phát sinh trong khuôn khổ Chương này.
3. Một Bên có thể yêu cầu thảo luận với một hoặc nhiều Bên khác nhằm thúc đẩy các mục tiêu đặt ra trong đoạn 2. Những cuộc thảo luận này có thể diễn ra trong khoảng thời gian và tại nơi được các Bên tham gia thảo luận thống nhất.

Điều 12.8: Hợp tác

Thừa nhận việc các Bên có thể được hưởng lợi từ việc chia sẻ kinh nghiệm của mình trong việc xây dựng và áp dụng các thủ tục liên quan đến việc thụ lý thị thực và an ninh biên giới, các Bên sẽ xem xét triển khai các hoạt động hợp tác được thống nhất, phụ thuộc vào khả năng nguồn lực, bao gồm thông qua việc:

- (a) đưa ra lời khuyên về việc xây dựng và thực thi hệ thống điện tử thụ lý thị thực;
- (b) chia sẻ kinh nghiệm về các quy định, và việc thực thi các chương trình và công nghệ liên quan đến:
 - (i) an ninh biên giới, bao gồm các quy định, chương trình liên quan đến việc sử dụng công nghệ sinh trắc, hệ thống thông tin hành khách tiên tiến, các chương trình khách hàng thường xuyên và an ninh giấy tờ du lịch; và
 - (ii) Việc thụ lý nhanh cho một số nhóm người nộp đơn xin nhập cảnh nhất định nhằm giảm bớt áp lực về trang thiết bị và công việc; và
- (c) hợp tác trong các diễn đàn đa phương nhằm thúc đẩy cải tiến quy trình xử lý, như các hoạt động đã được liệt kê trong đoạn (a) và (b).

Điều 12.9: Quan hệ với các Chương khác

1. Ngoại trừ Chương này, Chương 1 (Điều khoản ban đầu và Khái niệm chung), Chương 27 (Điều khoản hành chính và thể chế), Chương 28 (Giải quyết tranh chấp), Chương 30 (Điều khoản cuối cùng), Điều 26.2 (Công bố) và Điều 26.5 (Cung cấp thông tin), không điều khoản nào của Hiệp định này áp đặt bất kỳ nghĩa vụ nào cho một Bên liên quan đến các biện pháp nhập cảnh của mình.

2. Không quy định nào trong Chương này được hiểu là đặt ra nghĩa vụ hay cam kết liên quan đến các Chương khác của Hiệp định.

Điều 12.10: Giải quyết tranh chấp

1. Không Bên nào được sử dụng đến việc giải quyết tranh chấp theo Chương 28 (Giải quyết tranh chấp) liên quan đến việc từ chối cấp phép nhập cảnh tạm thời trừ khi:

- (a) vấn đề có dấu hiệu trở thành thông lệ; và
- (b) khách kinh doanh bị ảnh hưởng đã sử dụng hết các biện pháp hành chính có thể cho vấn đề này.

2. Những biện pháp được nêu trong đoạn 1(b) sẽ được coi là hết sức nếu quyết định cuối cùng về vấn đề không được Bên khác đưa ra trong một khoảng thời gian hợp lý sau ngày quy trình biện pháp được bắt đầu, bao gồm cả các quy trình cho việc rà soát hoặc kháng cáo, và việc không ra quyết định không phải vì những trì hoãn do khách kinh doanh liên quan gây ra.